

Bản án số: 159/2024/HS-PT
Ngày 12-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Ông Nguyễn Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Minh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 12 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 235/2023/TLPT-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Hà Trọng H và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 191/2023/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hà Trọng H (tên gọi khác: Hòa T) sinh ngày 01 tháng 8 năm 1988 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Trọng T1 và bà Trịnh Thị H1; có vợ là bà Lê Thị H2; có 04 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2024); tiền án: có 02 tiền án (ngày 15 tháng 7 năm 2015, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 27 tháng tù về tội “Đánh bạc” (Bản án số 71/2015/HSST); ngày 02 tháng 02 năm 2016, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt với Bản án số 71/2015/HSST ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tình B là 09 năm 03 tháng tù (Bản án số 32/2016/HSST)); tiền sự: không; nhân thân: có 03 tình tiết nhân thân (ngày 05 tháng 10 năm 2007, bị C2 (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh trật tự - an toàn xã hội 1.500.000 đồng; ngày 10 tháng 6 năm 2010,

bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích” và ban hành Quyết định đình chỉ điều tra vụ án ngày 31 tháng 7 năm 2010; ngày 12 tháng 12 năm 2013, bị C2 (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh trật tự - an toàn xã hội 1.500.000 đồng; bị tạm giữ, tạm giam ngày 15 tháng 01 năm 2021; ngày 05 tháng 11 năm 2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. Lê Văn T2 sinh ngày 19 tháng 3 năm 1993 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: Xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: Số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H3 và bà Lê Thị T3; chưa có vợ, con; tiền án: có 01 tiền án (ngày 10 tháng 9 năm 2013, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” (Bản án phúc thẩm số 608/2013/HSPT)); tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam ngày 15 tháng 01 năm 2021; ngày 05 tháng 11 năm 2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

3. Võ Đình H4 sinh ngày 30 tháng 11 năm 1997 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký thường trú: thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nơi tạm trú: Số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Đình Đ và bà Lương Thị T4; có vợ là bà Trần Thị Mỹ D, chưa có con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: có 02 tình tiết nhân thân (ngày 30 tháng 11 năm 2015, bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 tháng 09 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 251/2015/HSST); ngày 08 tháng 4 năm 2016, bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt với Bản án số 251/2015/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh là 04 năm 11 tháng 09 ngày tù (Bản án số 78/2016/HSST)); bị tạm giữ, tạm giam ngày 15 tháng 01 năm 2021; ngày 05 tháng 11 năm 2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

4. Trần Duy T5 sinh ngày 28 tháng 6 năm 1998 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị V; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: có 01 tình tiết nhân thân (ngày 22 tháng 8 năm 2024 bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” (Bản án số 202/2024/HS-ST)); bị tạm giữ, tạm giam ngày 15 tháng 01 năm 2021; ngày 05 tháng 11 năm 2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị

tạm giam tại Trại tạm giam – Công an tỉnh B từ ngày 23 tháng 01 năm 2024 để tham gia tố tụng trong vụ án do Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử (có mặt tại phiên tòa).

5. Tạ Ngọc L sinh ngày 23 tháng 7 năm 2003 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký thường trú: thôn P, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nơi tạm trú: 22/17 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ điện; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Ngọc H5 và bà Lý Thị H6; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam ngày 15 tháng 01 năm 2021; ngày 05 tháng 11 năm 2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

6. Phạm Văn T6 sinh ngày 01 tháng 01 năm 1993 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký thường trú: thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nơi tạm trú: Số C, đường Đ, Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M và bà Võ Thị T7; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: có 01 tình tiết nhân thân (ngày 29 tháng 9 năm 2016, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 01 năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em” (Bản án số 37/2016/HSST)); bị tạm giữ, tạm giam ngày 15 tháng 01 năm 2021; ngày 05 tháng 11 năm 2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

7. Nguyễn Văn T8 sinh ngày 03 tháng 5 năm 1986 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: Xóm B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: Tổ A Khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D1 và bà Nguyễn Thị T9; có vợ là bà Nguyễn Thị T10 (ly hôn ngày 22 tháng 6 năm 2023), có 03 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam ngày 15 tháng 01 năm 2021; ngày 05 tháng 02 năm 2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm (có mặt tại phiên tòa).

8. Lê Sỹ C sinh ngày 24 tháng 6 năm 1979 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: căn F, Đường số C, khu dân cư H, Tổ A, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (thay đổi nơi cư trú từ Khu phố C, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương); nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Sỹ T11 và bà Lương Thị L1; có vợ là bà Nguyễn Thị T12, có 02 con (sinh năm 2001 và năm 2009); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: có 03 tình tiết nhân thân (ngày 26 tháng 5 năm 1998, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân” (Bản án số 124); ngày 11 tháng 9 năm 2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do

người khác phạm tội mà có” (Bản án số 209/2006/HSST); ngày 31 tháng 01 năm 2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương phạt 01 năm 08 tháng 05 ngày tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” (Bản án số 30/2018/HSST)); bị tạm giữ, tạm giam ngày 15 tháng 01 năm 2021; ngày 01 tháng 9 năm 2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cho bảo lãnh cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

9. Phạm Tấn H7 sinh ngày 20 tháng 4 năm 1995 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký thường trú: thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nơi tạm trú: 22/17 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tấn T13 và bà Kiều Thị N; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: có 02 tình tiết nhân thân (ngày 27 tháng 9 năm 2012, bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” (Bản án số 225/2012/HSST); ngày 17 tháng 5 năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt với Bản án số 225/2012/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh là 08 năm tù, trừ thời hạn đã chấp hành án còn 07 năm 12 ngày tù (Bản án số 12/2013/HSST)); bị tạm giữ, tạm giam ngày 15 tháng 01 năm 2021; ngày 05 tháng 11 năm 2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Tạ Ngọc L:*

1. Ông Nguyễn Văn T14 là Luật sư thuộc Công ty L4 - Chi nhánh B1 (vắng mặt tại phiên tòa, có gửi bài bào chữa).

2. Ông Lưu Xuân L2 là Luật sư thuộc Công ty L4 - Chi nhánh B1 (có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, còn có 05 bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Hà Trọng H quen biết các bị cáo Lê Văn T2, Võ Đình H4, Trần Duy T5, Tạ Ngọc L, Phạm Văn T6, Lê Văn T15, Đỗ Như T16, Nguyễn Văn T8, Lê Sỹ C, Phạm Trọng Đ2, Lê Huy C1, Phạm Tấn H7 và Lê Văn T17. Khoảng tháng 5 năm 2020, sau khi chấp hành xong án phạt tù, bị cáo H mở tiệm cầm đồ và sống cùng với vợ tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Khoảng cuối năm 2020, bị cáo H rủ các bị cáo Lê Văn T2, H4, T5, L và Phạm Văn T6 tổ chức sòng bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa trên địa bàn thị xã B, tỉnh Bình Dương để thu lợi. Bị cáo H phân công bị cáo Lê Văn T2 cảnh giới bên

trong sòng bạc, thu tiền xâu của người tham gia đánh bạc và giúp bị cáo H cho những người tham gia đánh bạc vay tiền (lãi suất 5% 01 tháng); phân công các bị cáo H4, T5, L và Phạm Văn T6 canh giới bên ngoài (trả công mỗi người 500.000 đồng 01 ngày).

Khoảng 14 giờ ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại phòng số 18 nhà nghỉ B2 (Số D, đường N, Khu phố E, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương), bị cáo H cùng các bị cáo Lê Văn T2, H4, T5, L và Phạm Văn T6 tổ chức cho các bị cáo T15, T16, T8, C, Đ2, C1, H7, T17 và người tên B (không rõ lai lịch và chỗ ở) đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền (tiền đặt cược thấp nhất là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, cao nhất là 5.000.000 (năm triệu) đồng). Bị cáo H thu tiền xâu 4.000.000 đồng 01 người, được tổng cộng 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng (không thu tiền xâu của các bị cáo Đ2, H7 và C). Bị cáo H và bị cáo Lê Văn T2 cho các bị cáo vay tiền để đánh bạc như sau: T15 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, T8 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, T17 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, Đ2 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, T16 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, H7 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và B 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng (tổng số tiền lãi đã được lấy trước là 18.500.000 đồng (không lấy lãi đối với các bị cáo Đ2 và H7)). Khoảng 16 giờ 45 phút cùng ngày, lực lượng Công an bắt quả tang bị cáo H cùng các bị cáo Lê Văn T2, H4, T5, L, Phạm Văn T6 đang tổ chức cho các bị cáo T15, T16, T8, C, Đ2, C1, H7, T17 đánh bạc (riêng người tên B chạy thoát) và thu giữ vật chứng. Tổng số tiền các bị cáo T15, T16, T8, C, Đ2, C1, H7 và T17 dùng để đánh bạc là 244.650.000 (hai trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi nghìn) đồng (trong đó tiền trên chiếu bạc là 228.000.000 (hai trăm hai mươi tám triệu) đồng, thu giữ trên người các bị cáo tiền dùng để đánh bạc là 16.650.000 (mười sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn) đồng (trong đó thu của các bị cáo T15 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng, C 1.100.000 (một triệu, một trăm nghìn) đồng, Đ2 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng và T8 1.200.000 (một triệu, hai trăm nghìn) đồng)).

Các bị cáo H, H4, T5, L, Phạm Văn T6 và Lê Văn T2 khai nhận còn tổ chức cho những người đánh bạc trên địa bàn thị xã B, tỉnh Bình Dương 09 lần trước khi bị bắt quả tang ngày 15 tháng 01 năm 2021. Các bị cáo T5, H4, L và Phạm Văn T6 được bị cáo H phân công canh giới bên ngoài (Bị cáo Phạm Văn T6 dùng xe máy hiệu Honda Vario (biển số 76F1-346.08) chở bị cáo H4 còn bị cáo L dùng xe máy Winner X 150 (màu đỏ trắng, biển số 76F1-332.07) chở bị cáo T5 chạy quanh nhà nghỉ để canh giới giúp bị cáo H, phát hiện người lạ thì điện thoại báo cho bị cáo Lê Văn T2 để bị cáo Lê Văn T2 báo lại cho bị cáo H). Bị cáo Lê Văn T2 canh giới tại chiếu bạc, ghi sổ sách những người đánh bạc vay tiền. Qua 09 lần tổ chức đánh bạc, bị cáo H thu tiền xâu 105.000.000 (một trăm linh năm triệu) đồng, lấy tiền xâu trả tiền công các bị cáo H4, L, T5, Phạm Văn T6 mỗi người 4.500.000 (bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng (tổng cộng là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng), thu lợi 111.000.000 (một trăm mười một triệu) đồng, cho người đánh bạc vay tiền 04 (bốn) lần (04 (bốn) ngày) được

40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 191/2023/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố các bị cáo Hà Trọng H và Lê Văn T2 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Hà Trọng H 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày bắt các bị cáo vào chấp hành hình phạt tù, được trừ đi thời gian tạm giam trước đây từ ngày 15/01/2021 đến ngày 05/11/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố các bị cáo Võ Đình H4, Phạm Văn T6, Trần Duy T5 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Võ Đình H4 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T6 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Trần Duy T5 05 (năm) năm tù.

Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày bắt các bị cáo vào chấp hành hình phạt tù, được trừ đi thời gian tạm giam trước đây từ ngày 15/01/2021 đến ngày 05/11/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 90, 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Tạ Ngọc L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Tạ Ngọc L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt bị cáo vào chấp hành hình phạt tù, được trừ đi thời gian tạm giam trước đây từ ngày 15/01/2021 đến ngày 05/11/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Lê Sỹ C phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Sỹ C 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt bị cáo vào chấp hành hình phạt tù, được trừ đi thời gian tạm giam trước đây từ ngày 15/01/2021 đến ngày

01/9/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T8, Phạm Tấn H7 phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T8 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Phạm Tấn H7 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo Nguyễn Văn T8 tính từ ngày bắt bị cáo vào chấp hành hình phạt tù, được trừ đi thời gian tạm giam trước đây từ ngày 15/01/2021 đến ngày 05/02/2021.

Thời hạn tù của bị cáo Phạm Tấn H7 tính từ ngày bắt bị cáo vào chấp hành hình phạt tù, được trừ đi thời gian tạm giam trước đây từ ngày 15/01/2021 đến ngày 05/11/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo Lê Văn T15, Đỗ Như T16, Phạm Trọng Đ2, Lê Huy C1 và Lê Văn T17 từ 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo đến 04 (bốn) năm tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với một số bị cáo, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, bị cáo Nguyễn Văn T8 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, đã ly hôn, đang trực tiếp nuôi 02 con còn nhỏ, có nhân thân tốt, có trình độ văn hóa thấp, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, bị cáo Hà Trọng H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là trụ cột trong gia đình.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, bị cáo Lê Văn T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, bị cáo Võ Đình H4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, bị cáo Trần Duy T5 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, bị cáo Tạ Ngọc L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, bị cáo Phạm Văn T6 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, bị cáo Lê Sỹ C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, bị cáo Phạm Tấn H7 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hà Trọng H, Lê Văn T2, Võ Đình H4, Trần Duy T5, Phạm Văn T6, Nguyễn Văn T8, Lê Sỹ C và Phạm Tấn H7 giữ nguyên nội dung kháng cáo. Riêng bị cáo Tạ Ngọc L bổ sung yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản hỏi cung, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm cùng với tang chứng, vật chứng được thu thập trong hồ sơ vụ án xác định được như sau:

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, bị cáo Hà Trọng H thuê phòng nhà nghỉ, cùng các bị cáo Lê Văn T2, Võ Đình H4, Trần Duy T5, Tạ Ngọc L và Phạm Văn T6 tổ chức cho các bị cáo Lê Văn T15, Đỗ Như T16, Nguyễn Văn T8, Lê Sỹ C, Phạm Trọng Đ2, Lê Huy C1, Phạm Tấn H7, Lê Văn T17 và đối tượng tên B (không rõ lai lịch) đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền thì bị bắt quả tang. Đối tượng tên B đã chạy thoát. Số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 228.000.000 đồng. Ngoài ra còn thu giữ tiền trên người của các bị cáo dùng để đánh bạc là 16.650.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo Lê Văn T15, Đỗ Như T16, Nguyễn Văn T8, Lê Sỹ C, Phạm Trọng Đ2, Lê Huy C1, Phạm Tấn H7 và Lê Văn T17 dùng để đánh bạc là 244.650.000 đồng.

Các bị cáo H, Lê Văn T2, H4, T5, L, Phạm Văn T6, T8, H7 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và bị cáo C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Bị cáo H bổ sung tài liệu gia đình có công cách mạng. Bị cáo L bổ sung ông Tạ Ngọc H5 huy hiệu Dũng sỹ cứu nước, Dũng sỹ vì nghĩa vụ Quốc tế, Huân chương hữu nghị quốc tế. Các bị cáo T8, C bổ sung tài liệu gia đình có công cách mạng và xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn còn các bị cáo còn lại không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới hoặc bổ sung tài liệu.

Về tội danh “Tổ chức đánh bạc”: Các bị cáo H, Lê Văn T2, H4, T5, L, Phạm Văn T6 phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó:

Các bị cáo H, Lê Văn T2 có vai trò đáng kể trong vụ án. Bị cáo H chủ mưu, rủ rê, tổ chức, chỉ huy và phân công cho từng bị cáo tổ chức đánh bạc. Ngoài ra bị cáo H còn cho các con bạc vay tiền để thu lợi bất chính. Bị cáo Lê Văn T2 tuy không hưởng lợi từ việc tổ chức đánh bạc và cho vay tiền nhưng đã giúp sức tích cực cho bị cáo H trong việc quản lý, thu xâu từ các con bạc cũng như giúp bị cáo H cho các con bạc vay tiền để thực hiện hành vi phạm tội đánh bạc. Các bị cáo H và Lê Văn T2 đã từng bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng với lỗi cố ý nên lần phạm tội này có tình tiết tăng nặng định khung là tái phạm nguy hiểm và các bị cáo đã thu lợi bất chính trong hành vi tổ chức đánh bạc 129.000.000 đồng. Tuy bị cáo H có bổ sung tài liệu có cha được tặng thưởng H4 nhưng chiến công hạng ba nhưng hành vi của bị cáo H và bị cáo Lê Văn T2 đã phạm tội với các định khung được quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 322 của

Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, hành vi của các bị cáo, xử phạt bị cáo H 06 năm 06 tháng tù và bị cáo Lê Văn T2 05 năm 06 tháng tù là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Các bị cáo T5, L, H4 và Phạm Văn T6 giúp sức tích cực cho bị cáo H, cảnh giới bên ngoài và nhận tiền công ngày 500.000 đồng và đến ngày bị phát hiện đã tham gia tổ chức đánh bạc 10 lần (10 ngày), đã thu lợi mỗi người 4.500.000 đồng. Bị cáo H4 từng 02 lần chấp hành án về các tội “Trộm cắp tài sản”, “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo Phạm Văn T6 từng chấp hành án về tội “Giao cấu với trẻ em”. Các bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo H để kiếm tiền bất hợp pháp, vi phạm pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 05 năm 06 tháng tù là không nặng. Bị cáo T5 tại thời điểm phạm tội không có tiền án, tiền sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, hành vi của bị cáo xử phạt bị cáo 05 năm tù ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp. Bị cáo L (sinh ngày 23 tháng 7 năm 2003, phạm tội 15 tháng 01 năm 2021 khi được 17 năm 04 tháng 22 ngày tuổi) và tại phiên tòa phúc thẩm bổ sung tài liệu gia đình có công cách mạng nhưng cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng các Điều luật đối với người chưa thành niên phạm tội đối với bị cáo L xử phạt bị cáo L 03 năm 06 tháng tù là phù hợp. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T5, L, H4 và Phạm Văn T6.

Về tội danh “Đánh bạc”: Các bị cáo T8, C, H7 phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo không có tình tiết nặng và số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là khác nhau. Bị cáo C nộp các tài liệu là các giấy khen nhưng các giấy khen này đã được cấp sơ thẩm đã xem xét. Bị cáo T8 có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự và bổ sung tài liệu gia đình có công cách mạng, có hoàn cảnh khó khăn và lao động chính nhưng trong vụ án này bị cáo T8 sử dụng tiền vào việc phạm tội nhiều hơn so với các bị cáo khác 152.300.000 đồng trong tổng số 244.650.000 đồng. Các bị cáo C, H7 tuy sử dụng số tiền đánh bạc không đáng kể so với các bị cáo khác trong vụ án vụ án nhưng các bị cáo có nhân thân từng đi chấp hành án về các tội danh khác nhau. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi và nhân thân của các bị cáo, sự phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án nên tuyên xử bị cáo T8 03 năm 06 tháng tù, bị cáo C 03 năm tù, bị cáo H7 03 năm 03 tháng tù và mức án cấp sơ thẩm tuyên xử đối với các bị cáo là mức khởi điểm của khung hình phạt, không nặng. Do đó, kháng cáo của các bị cáo T8, C và Phạm Văn H7 không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Bị cáo H rủ rê, lôi kéo các bị cáo Lê Văn T2, Phạm Văn T6, T5, H4, L giúp sức tích cực tổ chức đánh bạc, trong đó bị cáo L phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót nhưng hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H phù hợp và như không ảnh hưởng về khung hình phạt và tội danh nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương áp dụng áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Quan điểm của những người bào chữa cho bị cáo L (Luật sư Lưu Xuân L2 trình bày tại phiên tòa và Luật sư Nguyễn Văn T14 trình bày trong bài bào chữa):

Tại thời điểm phạm tội, bị cáo L chưa đủ 18 tuổi, không có tình tiết tăng nặng, vai trò giúp sức không lớn. Bị cáo L phạm tội chưa gây thiệt hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo L còn có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như có cha tham gia quân ngũ và có các tài liệu được tặng huân, huy chương thể hiện ông có công với đất nước, được hưởng nhiều phần thưởng. Bị cáo tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính. Pháp luật có nghiêm minh và khoan hồng nên khi phạm tội lần đầu mà bị cáo L biết ăn năn hối cải thì Hội đồng xét xử nên xem xét theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo điều kiện để sớm quay về xã hội và hoàn lương.

Các bị cáo không tự bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Riêng bị cáo Công trình bày:

Bị cáo có Giấy khen vì đã cứu người đuối nước nhưng chỉ báo cáo với Thẩm phán xử sơ thẩm và sau khi xét xử sơ thẩm xong bị cáo mới nhận được Giấy khen. Trước đó, bị cáo chỉ có Giấy khen của Giám đốc Công an tỉnh vì có từ lâu. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh thực sự khó khăn, con trai bị cáo khi nghe tin của bố thì sốc và ảnh hưởng nhiều đã tự tử. Vợ bị cáo trải qua các cú sốc nên đang có bệnh về tâm lý không có tiếp xúc hay nói chuyện với ai. Bị cáo phải nuôi con gái đang tuổi ăn học. Bị cáo hết sức hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét lại hoàn cảnh cũng như hành vi của bị cáo mà giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về được với gia đình chăm sóc cho vợ và con gái của mình.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Tình tiết phạm tội chưa gây thiệt hại không thể áp dụng trong vụ án đánh bạc và tổ chức đánh bạc. Trang 22 Bản án sơ thẩm có ghi rõ bị cáo C có 02 Giấy khen.

Bị cáo H nói lời sau cùng: Bị cáo đã thấy sai trái của bị cáo, xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lê Văn T2 nói lời sau cùng: Bị cáo đã thấy sai trái của bị cáo, xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Bị cáo H4 nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được về.

Bị cáo T5 nói lời sau cùng: Bị cáo đã thấy lỗi của bị cáo, xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo để bị cáo làm lại cuộc đời.

Bị cáo L nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của bị cáo là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Văn T6 nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo về hòa nhập với đời sống xã hội.

Bị cáo T8 nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo về chăm sóc con vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, có 02 con còn nhỏ.

Bị cáo C nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận vì đã phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất để bị cáo sớm về chăm sóc vợ và con vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh rất khó khăn, có con còn đi học trong khi vợ của bị cáo bị trầm cảm sau khi gia đình của bị cáo có biến cố.

Bị cáo H7 nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo nhẹ nhất để bị cáo sớm về hội nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo Hà Trọng H, Lê Văn T2, Võ Đình H4, Trần Duy T5, Tạ Ngọc L, Phạm Văn T6, Nguyễn Văn T8, Lê Sỹ C và Phạm Tấn H7 làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Ngày 15 tháng 01 năm 2021, bị cáo Hà Trọng H thuê phòng cùng các bị cáo Lê Văn T2, Võ Đình H4, Trần Duy T5, Tạ Ngọc L và Phạm Văn T6 tổ chức cho các bị cáo Lê Văn T15, Đỗ Như T16, Nguyễn Văn T8, Lê Sỹ C, Phạm Trọng Đ2, Lê Huy C1, Phạm Tấn H7, Lê Văn

T17 và người tên B (không rõ lai lịch và chỗ ở) đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền thì bị bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo T15, T16, T8, C, Đ2, C1, H7 và T17 dùng để đánh bạc là 244.650.000 (hai trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi nghìn) đồng (trong đó tiền trên chiếu bạc là 228.000.000 (hai trăm hai mươi tám triệu) đồng, thu giữ trên người các bị cáo tiền dùng để đánh bạc là 16.650.000 (mười sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn) đồng (trong đó thu của các bị cáo T15 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng, C 1.100.000 (một triệu, một trăm nghìn) đồng, Đ2 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng và T8 1.200.000 (một triệu, hai trăm nghìn) đồng)). Các bị cáo H, H4, T5, L, Phạm Văn T6 và Lê Văn T2 khai nhận còn tổ chức cho những người đánh bạc trên địa bàn thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương 09 lần trước khi bị bắt quả tang ngày 15 tháng 01 năm 2021. Các bị cáo T5, H4, L và Phạm Văn T6 được bị cáo H phân công cảnh giới bên ngoài (Bị cáo Phạm Văn T6 dùng xe máy chở bị cáo H4 còn bị cáo L dùng xe máy chở bị cáo T5 chạy quanh nhà nghỉ để cảnh giới giúp bị cáo H, phát hiện người lạ thì điện thoại báo cho bị cáo Lê Văn T2 để bị cáo Lê Văn T2 báo lại cho bị cáo H). Bị cáo Lê Văn T2 cảnh giới tại chiếu bạc, ghi sổ sách những người đánh bạc vay tiền. Qua 09 lần tổ chức đánh bạc, bị cáo H thu tiền xâu 105.000.000 (một trăm linh năm triệu) đồng, lấy tiền xâu trả tiền công các bị cáo H4, L, T5, Phạm Văn T6 mỗi người 4.500.000 (bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng (tổng cộng là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng), thu lợi 111.000.000 (một trăm mười một triệu) đồng, cho người đánh bạc vay tiền 04 (bốn) lần (04 (bốn) ngày) được 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

[4] Tất cả các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo H, Lê Văn T2, H4, Phạm Văn T6, T5 và L chuẩn bị địa điểm, công cụ, bảo vệ, cho vay tiền và thực hiện các hành vi khác để người khác đánh bạc, được thua bằng tiền là đã phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Đ2, C, T8, C1, H7, T17, T15 và T16 tham gia đánh bạc được thua bằng tiền là đã phạm tội “Đánh bạc”.

[5] Các bị cáo H và Lê Văn T2 đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này phải chịu tình tiết tăng nặng định khung là tái phạm nguy hiểm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo H và Lê Văn T2 phạm tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại các điểm b và d khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

[6] Hành vi của các bị cáo H4, T5, L và Phạm Văn T6 phạm tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Tòa án cấp sơ thẩm xác định.

[7] Hành vi của các bị cáo T8, C và H7 đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Tòa án cấp sơ thẩm xác định.

[8] Các bị cáo H, Lê Văn T2, H4, T5, L, Phạm Văn T6 phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn trong đó bị cáo H chủ mưu, tổ chức, chỉ huy, trả công

cho các bị cáo H4, T5, L và Phạm Văn T6, cho người đánh bạc vay tiền để thu lãi. Các bị cáo T5, L, H4 và Phạm Văn T6 giúp sức cho bị cáo H, cảnh giới bên ngoài và nhận tiền công từ bị cáo H nhiều lần. Bị cáo Lê Văn T2 nhiều lần giúp sức cho bị cáo H, cảnh giới chiếu bạc và ghi chép việc cho vay tiền. Các bị cáo T15, T16, T8, C, C1, Đ2, H7 và T17 phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn.

[9] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội nên cần phải nghiêm trị nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[10] Bị cáo H rủ rê, lôi kéo các bị cáo tổ chức đánh bạc, trong đó bị cáo L phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là thiếu sót. Do không có kháng nghị của Viện kiểm sát có thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không thể làm bất lợi cho bị cáo H mà thiếu sót này của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến tội danh, khung hình phạt và không ảnh hưởng lớn đến hình phạt đối với bị cáo H nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không điều chỉnh hay kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét nội dung này.

[11] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo H, Lê Văn T2, H4, T5, L, Phạm Văn T6, T8, C và H7 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các bị cáo H4, T5, L và Phạm Văn T6 đã nộp tiền thu lợi bất chính nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Bị cáo L phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng nguyên tắc xử phạt người chưa thành niên (áp dụng các điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt đối với bị cáo), có cha tham gia quân ngũ. Bị cáo C được Giám đốc Công an tỉnh B tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk tặng Giấy khen vì có thành tích đột xuất dũng cảm cứu người gặp nạn đuối nước, có cha và mẹ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo và áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với một số bị cáo như đã nêu trên là phù hợp.

[12] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L xuất trình tài liệu xác định cha bị cáo là sĩ quan Q được tặng Huân chương Hữu nghị, Huy hiệu Vì nghĩa vụ Quốc

tế và Huy hiệu Dũng sĩ giữ nước. Bị cáo T8 xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo có ông ngoại được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T tặng Bằng khen vì đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 14 tháng 03 năm 2008). Bị cáo H xuất trình tài liệu thể hiện cha của bị cáo có công với đất nước được tặng Huân chương chiến công. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mới được xuất trình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng đối với các bị cáo.

[13] Bị cáo C nộp Giấy khen bị cáo C có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, Giấy khen bị cáo C đã có thành tích đột xuất dũng cảm cứu người gặp nạn đuối nước. Các tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định tại trang 22 (cuối đoạn [4]) của Bản án sơ thẩm và áp dụng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo C.

[14] Tình tiết bị cáo T8 có ông chú họ là Liệt sĩ, có ông chú họ được tặng Huy chương hạng nhì, có bác ruột tham gia kháng chiến chống Mỹ, bị cáo T8 là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi con nhỏ không phải là tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo T8. Tình tiết con của bị cáo C qua đời, bị cáo C có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình có vợ bị bệnh không phải là tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo C.

[15] Bị cáo H chủ mưu, tổ chức, chỉ huy, trả công cho các bị cáo H4, T5, L và Phạm Văn T6 tổ chức đánh bạc 10 lần (10 ngày) để thu tiền xâu, cho người đánh bạc vay tiền để thu lãi, thu lợi bất chính nhiều nhất, đã thu tiền xâu 129.000.000 (một trăm hai mươi chín triệu) đồng, thu lãi tổng cộng 58.500.000 (năm mươi tám triệu, năm trăm nghìn) đồng, thu lợi tổng cộng 169.500.000 (một trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm nghìn) đồng. Bị cáo H kháng cáo xin giảm hình phạt vì bị cáo là trụ cột trong gia đình, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, xuất trình tài liệu thể hiện cha của bị cáo có công với đất nước được tặng Huân chương chiến công, là tình tiết giảm nhẹ mới được áp dụng tại cấp phúc thẩm. Tuy nhiên, hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng với bị cáo là thỏa đáng, không nặng. Mặt khác, việc các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm bỏ lọt tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo H là đã có lợi cho bị cáo.

[16] Bị cáo Lê Văn T2 tham gia tổ chức đánh bạc cùng bị cáo H 04 lần (lần thứ 4 bị bắt quả tang), được bị cáo H giao trông coi sòng bạc xóc đĩa (không được trả tiền công), có nhiệm vụ giám sát người đánh bạc, được bị cáo H đưa tiền và 01 sổ để ghi chép việc cho vay tiền. Khi bị bắt, bị cáo Lê Văn T2 bị thu giữ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Tiền xâu bị cáo H thu được khi có bị cáo Lê Văn T2 tham gia là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng (ngày bị bắt quả tang là 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng. Tiền lãi bị cáo H thu được khi cho người chơi bạc vay tiền do bị cáo Lê Văn T2 phụ giúp ghi sổ sách là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng (03 ngày liên tục trước khi bị bắt, mỗi ngày 10.000.000 (mười

triệu) đồng) và 18.500.000 (mười tám triệu, năm trăm nghìn) đồng vào ngày bị bắt quả tang. Bị cáo Lê Văn T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng với bị cáo trên khởi điểm của khung hình phạt 06 (sáu) tháng là thỏa đáng, không nặng.

[17] Các bị cáo H4, T5 và Phạm Văn T6 tham gia cảnh giới sòng bạc giúp bị cáo H 09 lần, được trả tiền công 500.000 (năm trăm nghìn) đồng mỗi ngày tổng cộng là 4.500.000 (bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng. Ngày bị bắt, các bị cáo chưa được trả công. Nhiệm vụ của các bị cáo là cùng bị cáo khác điều khiển xe máy chở nhau chạy quanh và báo bị cáo Lê Văn T2 (để bị cáo Lê Văn T2 báo lại bị cáo H) nếu có người lạ hoặc lực lượng Công an. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng với bị cáo là thỏa đáng, không nặng.

[18] Sau khi bị xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 8 năm 2024, bị cáo T5 bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” (Bản án số 202/2024/HS-ST). Tính đến ngày 12 tháng 9 năm 2024, Bản án số 202/2024/HS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương chưa có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không tổng hợp hình phạt của các bản án.

[19] Ngày 15 tháng 01 năm 2021, bị cáo T8 đến chỗ bị cáo H để đánh bạc, mang theo 2.300.000 (hai triệu, ba trăm nghìn) đồng, vay của bị cáo H 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng để đánh bạc, thua 151.100.000 (một trăm năm mươi một triệu, một trăm nghìn) đồng, bị thu giữ trên người 1.200.000 (một triệu, hai trăm nghìn) đồng. Trước đó, bị cáo T8 đánh bạc ở chỗ của bị cáo H 04 lần nhưng không nhớ thời gian và địa điểm. Số tiền bị cáo T8 đánh bạc cao nhất so với các bị cáo khác. Bị cáo T8 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, đã ly hôn, đang trực tiếp nuôi 02 con còn nhỏ, có nhân thân tốt, có trình độ văn hóa thấp, có hoàn cảnh gia đình khó khăn (Gia đình bị cáo T8 được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa xác nhận là hộ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn (Bút lục số 1843)), đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nhưng hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng với bị cáo là thỏa đáng, không nặng.

[20] Ngày 15 tháng 01 năm 2021, bị cáo C được bị cáo H đưa đến chỗ đánh bạc, mang theo 2.900.000 (hai triệu, chín trăm nghìn) đồng để đánh bạc, thắng 1.200.000 (một triệu, hai trăm nghìn) đồng, bị giữ 3.000.000 (ba triệu) đồng trên chiếu bạc và 1.100.000 (một triệu, một trăm nghìn) đồng trên người. Bị cáo C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, có biến cố gia đình (con của bị cáo tự sát và vợ bị cáo trầm cảm sau sự cố), có công cứu người đuối nước được thưởng Giấy khen và được thưởng Giấy khen của Công an tỉnh B nhưng hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng, không nặng.

[21] Bị cáo H7 được bị cáo H đón đến đánh bạc 01 (một) lần vào ngày

ngày 15 tháng 01 năm 2021, có 3.500.000 (ba triệu, năm trăm nghìn) đồng, vay của bị cáo H 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để đánh bạc, thua 1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn) đồng, bị giữ 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng trên chiếu bạc. Bị cáo H7 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng, không nặng.

[22] Cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo H, Lê Văn T2, H4, T5, Phạm Văn T6, T8, C và H7, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo hình phạt thỏa đáng, không nặng. Mặc dù một số bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới được áp dụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận phần kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo.

[23] Bị cáo L giúp sức cho bị cáo H nhiều lần, cảnh giới bên ngoài (được nhận tiền công 500.000 đồng mỗi ngày, 09 lần (09 ngày) được nhận tổng cộng 4.500.000 (bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng, lần thứ 10 vào ngày 15 tháng 01 năm 2021 bị bắt nên chưa được nhận tiền công). Nhiệm vụ bị cáo L được bị cáo H giao là điều khiển xe máy chở bị cáo T5 chạy quanh bên ngoài nơi bị cáo H tổ chức đánh bạc, điện thoại báo bị cáo Lê Văn T2 (để bị cáo Lê Văn T2 báo lại bị cáo H) nếu phát hiện có người lạ hoặc lực lượng Công an. Trong 04 bị cáo được bị cáo H phân công cảnh giới bên ngoài, bị cáo L là người nhỏ tuổi nhất (là bị cáo duy nhất trong vụ án chưa đủ 18 tuổi khi thực hiện hành vi phạm tội), có nhiệm vụ chủ yếu là chở bị cáo T5 nên bị cáo L không phải là người có vai trò quyết định trong việc giúp bị cáo H cùng các bị cáo khác hoàn thành hành vi phạm tội. Nội dung Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chỉ quy định không chế hình phạt đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội là không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định, không không chế mức tối thiểu được áp dụng nên việc áp dụng hình phạt trong trường hợp của bị cáo L chỉ bị không chế hình phạt tù có thời hạn tối thiểu là 03 tháng quy định tại khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L có tình tiết giảm nhẹ mới được áp dụng và căn cứ quy định tại các điều 90 và 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo L, sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm, giảm hình phạt đối với bị cáo xuống còn 03 (ba) năm tù.

[24] Bị cáo L bị xử phạt tù không quá 03 năm, không có tiền án, không có tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có tình tiết được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có tình tiết giảm nhẹ mới được áp dụng tại phiên tòa phúc thẩm, có nơi cư trú rõ ràng, không cần chấp hành hình phạt tù cũng có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo nên bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo của

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bị cáo L đã chịu hình phạt và được giáo dục trong thời gian bị tạm giam từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 đến ngày 05 tháng 11 năm 2021 (gần 10 tháng). Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo L.

[25] Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B, tỉnh Bình Dương cần tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật người tên là B tham gia đánh bạc, không rõ nhân thân, lai lịch và chỗ ở.

[26] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương hầu hết phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận (riêng quan điểm về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo L không được chấp nhận). Quan điểm về tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo do người bào chữa cho bị cáo L và các bị cáo trình bày có phần phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận từng phần.

[27] Kháng cáo của các bị cáo H, Lê Văn T2, H4, T5, Phạm Văn T6, T8, C và H7 không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này (sau đây viết là Nghị quyết số 326).

[28] Kháng cáo của bị cáo L được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344; Điều 345; Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Trọng H, Lê Văn T2, Võ Đình H4, Trần Duy T5, Phạm Văn T6, Nguyễn Văn T8, Lê Sỹ C và Phạm Tấn H7, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tạ Ngọc L, sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 191/2023/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Tạ Ngọc L, về tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo Hà Trọng H và Nguyễn Văn T8.

Tuyên bố các bị cáo Hà Trọng H, Lê Văn T2, Võ Đình H4, Trần Duy T5, Tạ Ngọc L và Phạm Văn T6 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Nguyễn Văn Tú L3, Sỹ C và Phạm Tấn H7 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng các điểm b, d khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Hà Trọng H 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 đến ngày 05 tháng 11 năm 2021.

Áp dụng các điểm b, d khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 đến ngày 05 tháng 11 năm 2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Võ Đình H4 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 đến ngày 05 tháng 11 năm 2021.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T6 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 đến ngày 05 tháng 11 năm 2021.

Xử phạt bị cáo Trần Duy T5 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 đến ngày 05 tháng 11 năm 2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Sỹ C 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 đến ngày 01 tháng 9 năm 2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T8 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 đến ngày 05 tháng 02 năm 2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Tấn H7 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 đến ngày 05 tháng 11 năm 2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; các điều 90, 91 và 101; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Tạ Ngọc L 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Tạ Ngọc L cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Hội đồng xét xử phúc thẩm giải thích về án treo cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo Hà Trọng H, Lê Văn T2, Võ Đình H4, Trần Duy T5, Phạm Văn T6, Nguyễn Văn T8, Lê Sỹ C và Phạm Tấn H7 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Tạ Ngọc L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (10);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (11);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo thường trú và tạm trú (thay văn bản thông báo) (15);
- Lưu VP (4), hồ sơ vụ án. THMĐ. (48).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng An Thanh